

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 25/2021/HS-PT

Ngày 11 - 5 - 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiềm

Các Thẩm phán: Ông Vi Đức Trí

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 30/2021/TLPT-HS ngày 12 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo Lý Văn Th và đồng phạm, do có kháng cáo của bị cáo Lý Văn H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2021/HS-ST ngày 02-02-2021 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Lý Văn Th, sinh ngày 22 tháng 01 năm 1985 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý Văn S (đã chết) và bà Liễu Thị B; có vợ là Hoàng Thị L, sinh năm 1985 và 01 con, sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị truy cứu xử lý hành chính, chưa bị kỷ luật. Bị cáo hiện đang bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 02/5/2020 đến nay; có mặt.

2. Nông Đức D, sinh ngày 19 tháng 7 năm 1992 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn A (đã chết) và bà Vương Thị D; Vợ là Hoàng Thị T, sinh năm 1993 và có 02 con, con lớn sinh năm 2010,

con nhỏ, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị kỷ luật. Bị cáo hiện đang bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 25/6/2020 đến nay; có mặt.

3. Lý Văn H, sinh ngày 29 tháng 8 năm 1996 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ma Văn Đ và bà Lý Thị Đ; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị kỷ luật; Bị cáo hiện đang bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 25/6/2020 đến nay; có mặt.

4. Hoàng Văn Th, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1995 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn T và bà Hà Thị T; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị kỷ luật; Bị cáo hiện đang bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 25/6/2020 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lý Văn Th: Ông Đinh Công T, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm T Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1992. Trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Anh Chu Hồng V, sinh năm 1994. Trú tại: Thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Anh Hoàng Văn D, sinh ngày 21/8/2004. Trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Văn M, sinh năm 1981. Trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1995. Trú tại: Thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

5. Chị Trần Thị H, sinh năm 1998. Trú tại: Thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

6. Anh Phạm Phú H, sinh năm 1989. Trú tại: Thôn Y, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

7. Anh Phạm Phú M, sinh năm 1986. Trú tại: Thôn Y, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

8. Anh Phạm Phú D, sinh năm 1992. Trú tại: Thôn Y, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

9. Chị Trần Thị Q, sinh năm 1989. Trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

10. Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1985. Trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

11. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1993. Trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

12. Ông Ma Văn Đ, sinh năm 1972. Trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Ngoài ra, còn có 04 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

1. Nông Văn M, sinh ngày 14/10/1984. Trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Hoàng Minh T, sinh ngày 26/08/1986. Trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Hà Huy H, sinh ngày 12/03/1986. Trú tại: Thôn O, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Hoàng Văn B, sinh ngày 30/7/1994. Trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4/2020 Nông Văn M kết bạn Zalo với người có số điện thoại 008613189298971 có tên là A H ở thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; đến trưa ngày 02/5/2020 A H trò chuyện qua Zalo với Nông Văn M và đặt vấn đề thuê Nông Văn M đưa 12 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc với tiền công là 300 Nhân dân tệ/người. Nông Văn M đã liên lạc với Hoàng Minh T có xe ô tô biển kiểm soát 12A-015.50 và cho Hoàng Minh T biết có 12 khách xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc qua mốc 30 thuộc xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn với tiền công là 300 Nhân dân tệ/người. Hoàng Minh T đồng ý, nhưng do xe của Hoàng Minh T không đủ chỗ ngồi nên Hoàng Minh T liên lạc với em trai ruột là Hoàng Minh M hộ chở. Sau khi thống nhất xong với Hoàng Minh T, Nông Văn M đã trao đổi lại

với A H thì A H bảo Nông Văn M ra khu vực bên xe phía Bắc, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để đón khách. Hoàng Minh T đã lái xe ô tô 7 chỗ ngồi của mình nhãn hiệu MITSUBISHI ZINGER màu bạc, biển kiểm soát 12A-015.50 cùng Hà Huy H ra bên xe phía Bắc gặp 12 người đang có nhu cầu sang Trung Quốc làm thuê gồm Trần Thị Thanh T, Trần Thị H, Phạm Phú H, Phạm Phú M, Phạm Phú D, một người có tên gọi là “Na na” cùng với 06 người khách khác (không xác định được tên tuổi, địa chỉ).

Hoàng Minh T gọi điện cho Hoàng Minh M đi xe bán tải MAZDA BT 50, biển kiểm soát 12C- 071.74 đến bên xe phía Bắc. Sau đó Trần Thị Thanh T, Trần Thị H, Phạm Phú H, Phạm Phú M, “Na na” và một khách nữ lên xe của Hoàng Minh T, còn những người còn lại lên xe ô tô của Hoàng Minh M. Đón được khách xong Hoàng Minh T điện thoại thông báo cho Nông Văn M biết là đã đón được khách rồi cả 02 xe di chuyển từ bên xe phía Bắc đến xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó Hoàng Văn B đã điện thoại cho Hoàng Văn Th; Nông Đức D; Lý Văn H; Lý Văn Th đều cư trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn và trực tiếp sang nhà của Hoàng Văn Th nói rõ cho cả 5 người trên biết là Hà Huy H bảo đi xe máy ra khu vực K để đón khách rồi đưa lên mốc 1030 xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Hoàng Văn B đi xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRUS màu trắng đen, biển kiểm soát 12T1-04450; Hoàng Văn Th đi xe mô tô nhãn hiệu HODA WAVE màu đỏ đen, biển kiểm soát 12T1-090.46; Hoàng Văn D đi xe mô tô nhãn hiệu SALUT màu đỏ đen, biển kiểm soát 12K5-5571; Lý Văn H đi xe mô tô nhãn hiệu HODA WAVE màu đen xám, biển kiểm soát 12 K9-5432; Nông Đức D đi xe YAMAHA SIRUS màu đỏ đen, biển kiểm soát 12T1-8143; Lý Văn Th đi HODA WAVE màu đen trắng, biển kiểm soát 12 T1-5062 đi đến nơi đã hẹn và Hoàng Văn B thỏa thuận với nhau mỗi xe mô tô sẽ chở 02 khách đi theo đường mòn C, xã Đ để tránh sự kiểm soát của lực lượng biên phòng, tiền công là 200.000 đồng/chuyến sẽ trả sau hoặc đưa cho Hà Huy H trả. Nông Văn M dẫn 12 người đi về mốc 1030 để họ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và thông báo cho A H biết để cử người ra đón. Khoảng 30 phút sau A H thông báo là không đón được và bảo Nông Văn M đưa 12 người về thành phố L, tỉnh Lạng Sơn nên Nông Văn M thông báo cho Hoàng Minh T, Hoàng Minh T bảo Chu Hồng V có khách đang từ xã Đ về thành phố L tiền công là 500.000 đồng/chuyến. Sau đó Hoàng Minh T đi xe ô tô biển kiểm soát 12A-015.50 của mình cùng Hà Huy H, Chu Hồng V đi xe ô tô của mình nhãn hiệu SUZUKI màu trắng biển kiểm soát 12A-017.10 đến khu vực K thuộc xã Đ cùng nhau đón khách về thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Về phía Hoàng Văn B và nhóm 05 người đi xe máy: Sau khi đưa 12 người Hoàng Văn B cùng Hoàng Văn Th, Hoàng Văn D về quán của Hoàng Văn Đ uống nước, còn Lý Văn H và Nông Đức D đi ăn cơm; Lý Văn Th đi về nhà nghỉ. Hoàng

Văn B nhận được điện thoại của Hà Huy H nói là lên mốc 1030 đón 12 người khách đưa đến khu vực K, xe mô tô của Lý Văn Th chở Trần Thị Thanh T và Trần Thị H khi đi qua barie của Đồn Biên phòng Bình Nghi thì bị giữ lại để kiểm tra.

Những người còn lại thì 05 người lên xe của Chu Hồng V và 05 người khác lên xe của Hoàng Minh T đi về thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Nông Văn M cũng đi cùng về thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để thu tiền của khách. Khi đến bến xe phía bắc Nông Văn M chỉ thu được 600 Nhân dân tệ đưa cho Hoàng Minh T. Hoàng Minh T đưa cho Hà Huy H và Chu Hồng V 1.000.000 đồng rồi cả nhóm đi 02 xe ô tô đến khu vực K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn uống rượu đến rạng sáng ngày 03/5/2020 thì giải tán.

Khoảng hai đến ba ngày sau Hoàng Minh T gặp Hoàng Minh M tại xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, Hoàng Minh T đưa cho Hoàng Minh M 500.000 đồng nói tiền xăng đưa khách từ bến xe phía Bắc về xã Đ. Nhóm của Hoàng Văn B dùng xe mô tô đưa đón 12 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc chưa được Hoàng Minh T trả tiền công.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2021/HS-ST ngày 02-02-2021 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Lý Văn Th, Nông Đức D, Hoàng Văn Th, Lý Văn H phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54 Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt đối với các bị cáo Lý Văn Th, Nông Đức D, Lý Văn H, Hoàng Văn Th mỗi bị cáo 05 (năm) năm tù. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên phạt 04 bị cáo khác với mức hình phạt từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm 6 (sáu) tháng tù, tuyên về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, bị cáo Lý Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 09/QĐ-VKS-P7 ngày 02/3/2021 và Quyết định bổ sung Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 13/QĐ-VKS-HS ngày 16/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã kháng nghị. Đề nghị sửa Bản án sơ thẩm số 04/2021/HS-ST ngày 02/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định theo hướng áp dụng điều, khoản của Bộ luật Hình sự về khung hình phạt nhẹ hơn và giảm hình phạt đối với các bị cáo Hoàng Văn Th; Lý Văn H; Lý Văn Th; Nông Đức D theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lý Văn H giữ nguyên nội dung kháng cáo; Viện kiểm sát giữ nguyên

kháng nghị; các bị cáo Hoàng Văn Th, Lý Văn H, Lý Văn Th, Nông Đức D nhất trí với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Giữ nguyên nội dung kháng nghị, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm số 04/2021/HS-ST ngày 02/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định theo hướng áp dụng điều, khoản của Bộ luật Hình sự về khung hình phạt nhẹ hơn và giảm hình phạt đối với các bị cáo Hoàng Văn Th; Lý Văn H; Lý Văn Th; Nông Đức D theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép; bị cáo Lý Văn H kháng cáo bản án trong thời hạn luật định nên việc kháng cáo là hợp lệ. Bản án sơ thẩm kết án các bị cáo về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, việc áp dụng định khung tăng nặng theo điểm a, khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lý Văn Th, Nông Đức D, Hoàng Văn Th, Lý Văn H là không chính xác, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bị cáo, bởi lẽ các bị cáo nêu trên tham gia với vai trò thứ yếu, theo thỏa thuận các bị cáo chỉ tham gia vận chuyển 02 người và tiền công là 200.000 đồng/chuyến; không được bàn bạc thống nhất về số lượng người cần chở nên các bị cáo không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số 12 người xuất cảnh trái phép. Như vậy, các bị cáo Lý Văn Th, Nông Đức D, Lý Văn H, Hoàng Văn Th chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đồng thời, do các bị cáo phạm tội lần đầu, có vai trò giúp sức thứ yếu trong vụ án và để đảm bảo quyền lợi của các bị cáo, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo; các bị cáo đều có nhân thân tốt, hoàn cảnh khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận. Đây là tình tiết mới. Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa nội dung Bản án sơ thẩm về phần hình phạt; căn cứ khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt các bị cáo Lý Văn Th, Nông Đức D, Lý Văn H, Hoàng Văn Th với mức án đối với mỗi bị cáo từ 03 đến 04 năm tù. Đối với Hoàng Văn D, trong quá trình điều tra đã xác định Hoàng Văn D chưa đủ tuổi nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm chưa nhận định, xem xét là sai sót; cấp phúc thẩm cần bổ sung, khắc phục.

Ý kiến của những người bào chữa cho bị cáo Lý Văn Th: Bị cáo chở người nhưng không biết những người này vượt biên trái phép; bị cáo tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn; bị cáo

phạm tội chưa đạt; nhất trí với nội dung kháng nghị và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lý Văn Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Bản án sơ thẩm đã tuyên; căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở xác định: Ngày 02/5/2020 Nông Văn M, Hoàng Minh T, Hà Huy H, Hoàng Văn B, Lý Văn Th, Nông Đức D, Lý Văn H, Hoàng Văn Th đã tổ chức đưa Trần Thị Thanh T, Trần Thị H, Phạm Phú H, Phạm Phú M, Phạm Phú D và một người có tên là “Na Na” không rõ địa chỉ và 06 phụ nữ để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc qua mốc giới 1030 thuộc địa phận xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lý Văn Th, Nông Đức D, Hoàng Văn Th, Lý Văn H về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, không oan.

[2] Xét kháng cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3] Tại tòa, các bị cáo đều thừa nhận không có mâu thuẫn với nhau; trong quá trình điều tra không bị ép cung, nhục hình. Khi tiếp nhận thông tin từ Hoàng Văn B về việc sẽ vận chuyển người bằng xe mô tô, các bị cáo chưa biết sẽ đưa bao nhiêu người đi xuất cảnh trái phép. Tuy nhiên, tất cả các bị cáo Nông Đức D, Lý Văn H, Hoàng Văn Th, Lý Văn Th đều thừa nhận sau khi tiếp nhận ý chí của Hoàng Văn B, các bị cáo đã tập hợp cùng nhau tại đầu làng K, xã Đ, huyện T. Sau đó, cùng nhau đến địa điểm đón khách; tại đây, Hoàng Văn B đã phân công cho Nông Đức D, Lý Văn H, Hoàng Văn Th, Lý Văn Th, Hoàng Văn D mỗi người đi xe mô tô chở 02 người và bản thân Hoàng Văn B cũng tham gia đi xe mô tô chở 02 người, cùng nhau đưa 12 người khách đến mốc giới 1030 để xuất cảnh sang Trung Quốc. Các bị cáo đều mô tả được tại địa điểm đón người xuất cảnh trái phép và tại thời điểm trước khi vận chuyển đưa người đi xuất cảnh trái phép, có mặt đầy đủ Hoàng Văn B, Nông Đức D, Lý Văn H, Hoàng Văn Th, Lý Văn Th, Hoàng Văn D và có mặt 12 người khách, gồm 09 nữ 03 nam, bước từ trên 02 chiếc ô tô xuống. Tất cả các bị cáo Nông Đức D, Lý Văn H, Hoàng Văn Th, Lý Văn Th và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn D đều thừa nhận được Hoàng Văn B thuê chở người từ khu vực P, xã Đ lên mốc giới 1030 mỗi xe chở 02 người với tiền công là 200.000 đồng/chuyến. Sau khi 12 người không xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc được thì Hoàng Văn B lại điện thoại cho Nông

Đức D, Lý Văn H, Hoàng Văn Th, Lý Văn Th, Hoàng Văn D đến mốc giới 1030 để đón về. Trong số 06 xe mô tô chở 12 người khách, có xe lúc đi lên chở 02 người khách nữ, khi đón về chở 01 khách nam và 01 khách nữ; các bị cáo phối hợp cùng nhau để tránh sự phát hiện của lực lượng biên phòng bằng cách đi theo thứ tự giữ khoảng cách giữa các xe trong quá trình vận chuyển. Tại tòa, lời khai của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn D phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra vụ án. Cụ thể Lý Văn H thừa nhận tại bút lục số 155, 840, 841, 842, 844, 845, 835, 830, 828. Hoàng Văn Th thừa nhận tại Bút lục số 134, 774, 768, 769, 761, 763, 764, 751, 748, 777, 759. Nông Đức D thừa nhận tại bút lục số 115, 692, 693, 697, 702, 705. Lý Văn Th thừa nhận tại bút lục: 624, 630, 633, 636. Các lời khai này phù hợp với lời khai của bị cáo Hoàng Văn B, Hà Huy H. Như vậy, các bị cáo đã tiếp nhận ý chí qua hành động và đều thực hành tích cực mỗi bị cáo chở 02 người đi xuất cảnh trái phép. Ngoài ra, các bị cáo còn giúp sức lẫn nhau về mặt tinh thần để cùng nhau chở hết 12 người theo sự phân công của Hoàng Văn B nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò giúp sức về mặt tinh thần tương ứng với tổng số lượng người xuất cảnh trái phép là 12 người. Do vậy, các bị cáo phạm tội: Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Xét về vai trò đồng phạm: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn; Nông Văn M có vai trò chính, là người trực tiếp liên lạc với A H về mức thù lao, trực tiếp nhận tiền của các đối tượng có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và liên hệ với Hoàng Minh T để đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, đã thu được 600 Nhân dân tệ; Hoàng Minh T có vai trò đồng phạm giúp sức, làm nghề lái xe ô tô đưa đón khách thấy có lợi ích kinh tế, thiếu hiểu biết pháp luật nên khi có khách có nhu cầu đã chấp nhận đưa đón khách từ bến xe phía Bắc thành phố L đến xã Đ huyện Trảng Định để hưởng lợi nhuận; Hà Huy H có vai trò đồng phạm giúp sức đi cùng xe ô tô Hoàng Minh T giúp Tuyên liên lạc với Hoàng Văn B để bố trí xe mô tô đưa khách từ trung tâm xã Đ lên cột mốc 1030, Hà Huy H chưa nhận được thù lao từ việc đưa người xuất cảnh trái phép; Hoàng Văn B là người giúp sức và thực hành, sau khi nhận điện thoại từ Hà Huy H đã gọi cho Lý Văn Th, Nông Đức D, Lý Văn H, Hoàng Văn Th, Hoàng Văn D để đưa người đi xuất cảnh trái phép; Lý Văn Th, Nông Đức D, Lý Văn H, Hoàng Văn Th có vai trò ngang nhau, đều là người trực tiếp đưa người xuất cảnh trái phép đến cột mốc Biên giới. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Hoàng Văn B, Lý Văn Th, Nông Đức D, Lý Văn H, Hoàng Văn Th có vai trò ngang nhau là không chính xác. Tuy nhiên, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với Hoàng Văn B cao hơn các bị cáo Lý Văn Th, Nông Đức D, Lý Văn H, Hoàng Văn Th cũng là phù hợp; Tòa án cấp

sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Phần quyết định của Bản án sơ thẩm áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo nhưng không nêu rõ khoản nào; ngoài ra, phần nhận định của Bản án sơ thẩm không làm rõ được các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là những tình tiết nào hoặc chứng minh các bị cáo có vai trò thứ yếu không đáng kể để áp dụng khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đây là sai sót trong việc áp dụng pháp luật, cấp phúc thẩm cần khắc phục; Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét khách quan, đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đã xem xét đầy đủ nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo phạm tội chưa đạt; để đảm bảo phục vụ tình hình chính trị tại địa phương, trong tình hình dịch bệnh Covid đang diễn biến phức tạp, việc xuất, nhập cảnh trái phép ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác phòng, chống dịch bệnh; Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 5 năm tù đối với mỗi bị cáo Lý Văn Th, Nông Đức D, Lý Văn H, Hoàng Văn Th là phù hợp.

[7] Tại cấp phúc thẩm: Đại diện Viện kiểm sát; các bị cáo Lý Văn H, Nông Đức D, Lý Văn H, Hoàng Văn Th xuất trình thêm xác nhận của chính quyền địa phương là các bị cáo đều có nhân thân tốt, hoàn cảnh khó khăn; bị cáo Nông Đức D có bố đẻ là ông Nông Văn A được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Những tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá; đây không phải là tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Đối với Hoàng Văn D, trong quá trình điều tra đã xác định Hoàng Văn D chưa đủ tuổi nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, nhận định là sai sót; cấp phúc thẩm cần bổ sung, khắc phục đã nêu rõ như trên; Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lý Văn H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Cần giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm về phần áp dụng khung hình phạt đối với các bị cáo Lý Văn Th, Nông Đức D, Lý Văn H, Hoàng Văn Th.

[10] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn và ý kiến của người bào chữa, không phù hợp với nhận định nêu trên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo Lý Văn H không được chấp nhận nên phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự

năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lý Văn H; không chấp nhận kháng nghị yêu cầu xử phạt các bị cáo Lý Văn Th, Nông Đức D, Lý Văn H, Hoàng Văn Th theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015 và yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Lý Văn Th, Nông Đức D, Lý Văn H, Hoàng Văn Th; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2021/HS-ST ngày 02/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn về phần áp dụng khung hình phạt và hình phạt của các bị cáo Lý Văn Th, Nông Đức D, Lý Văn H, Hoàng Văn Th, cụ thể như sau:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 57; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015;

1.1. Xử phạt đối với bị cáo Lý Văn Th 05 (năm) năm tù về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 02/5/2020.

1.2. Xử phạt đối với bị cáo Nông Đức D 05 (năm) năm tù về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 25/6/2020.

1.3. Xử phạt đối với bị cáo Hoàng Văn Th 05 (năm) năm tù về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 25/6/2020.

1.4. Xử phạt đối với bị cáo Lý Văn H 05 (năm) năm tù về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 25/6/2020.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lý Văn H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- TAND H. Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- CC T H. T, tỉnh Lạng Sơn;
- CA H. Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; Tòa HS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiêm